

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ECI
Số: 24/ECI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4, Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Tập đoàn ECI.**
- Mã chứng khoán: **ECI**
- Địa chỉ trụ sở chính: **45 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội**
- Điện thoại: **024.38213786 - 024.39728395** Fax: 024.39728395
- Email: Website: www.bando.tranh.anh.vn

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC năm 2022

BCTC riêng của công ty (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022)

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tập đoàn ECI vào ngày .../02/2023 tại đường dẫn www.bando.tranh anh.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022: Không

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin được công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất năm 2022 và BCTC riêng năm 2022
- Văn bản giải trình LNST TNDN năm 2022 giảm hơn 10% so LNST TNDN năm 2021



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Nam





**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ECI**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	7 - 8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/10/2022.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

Vốn điều lệ: 18.600.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2022: 18.600.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 024.9711146 - 8213786
- Fax: (84) 024.9711404 - 8213786
- Website: www.ecigroup.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- In ấn;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối niên độ kế toán là 39 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------------|--------------|--|
| • Ông Nguyễn Quốc Việt | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022 |
| • Ông Sử Duy Bin | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 30/08/2022
Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021
Miễn nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Ông Nguyễn Nam Phóng | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Nam | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Ông Lưu Văn Thịnh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022 |
| • Bà Nguyễn Thúy Hạnh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022
Miễn nhiệm ngày 30/08/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021
Xin từ nhiệm ngày 17/10/2022 (*) |
| • Bà Đặng Thị Như | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021
Miễn nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Ông Ngô Anh Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Miễn nhiệm ngày 26/04/2022 |

(*) Việc từ nhiệm chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------------|------------|--|
| • Bà Nguyễn Hoàng Yến | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Miễn nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Lương Thị Thanh Duyên | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thanh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022 |
| • Bà Tạ Thị Thanh Huyền | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Miễn nhiệm ngày 30/08/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021
Miễn nhiệm ngày 26/04/2022 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------------|-------------------|--|
| • Ông Nguyễn Tuấn Nam | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021
Miễn nhiệm ngày 26/04/2022 |
| | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022
Miễn nhiệm ngày 17/10/2022 |
| • Ông Cao Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2022 |
| • Bà Hoàng Mai Điệp | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2022 |
| • Bà Đỗ Thị Thom | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 08/06/2022 |
| • Bà Đặng Thị Như | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021
Miễn nhiệm ngày 05/05/2022 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng ; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số : 086/2023/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 16/02/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 7 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính riêng năm 2022 của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC




Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 16 tháng 02 năm 2023



Đinh Thị Ngọc Thùy -Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2023-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.357.356.961	46.791.484.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.778.096.979	17.928.669.675
1. Tiền	111	5	16.778.096.979	14.928.669.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	9.060.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	9.060.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.743.970.569	15.018.854.582
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.627.224.420	15.132.155.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		215.542.001	129.925.600
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.272.193.139	286.019.120
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(370.988.991)	(529.245.945)
IV. Hàng tồn kho	140	9	4.796.397.374	4.771.125.483
1. Hàng tồn kho	141		6.605.709.369	7.480.391.037
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.809.311.995)	(2.709.265.554)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.892.039	12.834.813
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	38.892.039	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	12.834.813
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.648.896.722	1.191.588.447
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.236.240.695	77.059.948
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.236.240.695	77.059.948
- Nguyên giá	222		8.603.762.079	2.910.743.153
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.367.521.384)	(2.833.683.205)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	14.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		14.000.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		412.656.027	114.528.499
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	412.656.027	114.528.499
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		54.006.253.683	47.983.073.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.305.549.519	12.721.050.445
I. Nợ ngắn hạn	310		12.975.240.241	12.721.050.445
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	9.238.770.405	3.588.771.026
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52.782.016	715.221.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	702.572.059	830.574.877
4. Phải trả người lao động	314		1.748.378.581	3.925.639.220
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	162.519.200
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	543.087.164	3.308.221.380
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16.a	499.546.392	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		190.103.624	190.103.624
II. Nợ dài hạn	330		3.330.309.278	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16.b	3.330.309.278	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37.700.704.164	35.262.022.555
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	37.700.704.164	35.262.022.555
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	17	(726.105.307)	(726.105.307)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	2.633.994.225	2.633.994.225
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	17	741.277.519	741.277.519
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	16.451.537.727	14.012.856.118
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	17	14.012.856.118	11.998.431.352
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	17	2.438.681.609	2.014.424.766
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		54.006.253.683	47.983.073.000



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Nam
Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thom

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	18	47.214.671.763	61.538.062.792
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	597.194.460	1.442.166.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		46.617.477.303	60.095.896.292
4. Giá vốn hàng bán	11	20	32.925.332.737	41.555.126.709
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		13.692.144.566	18.540.769.583
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	338.210.967	688.164.594
7. Chi phí tài chính	22	22	124.020.376	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		124.020.376	-
8. Chi phí bán hàng	25	23.a	5.811.474.207	8.783.170.823
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.b	4.942.533.295	4.828.249.418
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.152.327.655	5.617.513.936
11. Thu nhập khác	31		13.422.001	6.763.058
12. Chi phí khác	32		2.885.649	1.856.318
13. Lợi nhuận khác	40		10.536.352	4.906.740
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.162.864.007	5.622.420.676
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	724.182.398	791.995.910
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.438.681.609	4.830.424.766



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.162.864.007	5.622.420.676
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	11	533.838.179	59.412.575
- Các khoản dự phòng	03		(1.058.210.513)	(127.627.459)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	21	(338.210.967)	(688.164.594)
- Chi phí lãi vay	06	22	124.020.376	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		2.424.301.082	4.866.041.198
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.319.597.698	2.178.701.277
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		874.681.668	(1.222.328.144)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.485.086.296	(1.435.097.791)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12	(337.019.567)	(54.704.969)
- Tiền lãi vay đã trả	14	22	(124.020.376)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	14	(638.800.090)	(794.661.232)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	23.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(3.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.003.826.711	3.557.950.339
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	11	(5.693.018.926)	(99.409.091)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.200.000.000)	(9.060.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		11.260.000.000	11.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.000.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.200.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7, 21	264.589.049	741.331.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.168.429.877)	2.581.922.626

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ đi vay	33	16	4.038.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	16	(208.144.330)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	15, 17c	(2.815.825.200)	(527.967.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.014.030.470	(527.967.225)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.150.572.696)	5.611.905.740
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5, 6	17.928.669.675	12.316.763.935
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5, 6	16.778.096.979	17.928.669.675



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bàn đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/10/2022.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh..

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty có 1 Công ty con:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh và thương mại	80,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 1 Công ty con. Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mối quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với các tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ vào kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”..

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ phiếu Quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền đã trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ; 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục; Hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD- Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế. Riêng giai đoạn từ 01/02/2022 đến 31/12/2022 thì áp dụng thuế suất 8% đối với một số mặt hàng nẹp treo bản đồ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	94.213.000	264.705.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.683.883.979	14.663.964.675
Cộng	16.778.096.979	14.928.669.675

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội	657.039.880	834.551.480
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Phú Thọ	826.940.770	47.950
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	802.764.915	4.211.062.035
Công ty Cổ phần Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	299.265.426	974.226.413
Các đối tượng khác	5.041.213.429	9.112.267.929
Cộng	7.627.224.420	15.132.155.807

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	554.860.800	1.070.327.600
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	122.719.200	608.218.940
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	802.764.915	4.211.062.035
Công ty Cổ phần Phát hành Sách giáo dục	216.871.880	501.706.970
Các đối tượng khác	313.752.960	84.210.561
Cộng	2.010.969.755	6.475.526.106

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	176.378.082	-
Phải thu thuế TNCN	63.964.339	-	109.641.038	-
Tạm ứng	5.158.228.800	-	-	-
- Bà Phạm Ngọc Huyền (*)	4.677.358.800	-	-	-
- Các đối tượng khác	480.870.000	-	-	-
Phải thu khác	50.000.000	-	-	-
Cộng	5.272.193.139	-	286.019.120	-

(*) Tạm ứng cho Bà Phạm Ngọc Huyền để đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mini Số Việt Nam. Việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mini Số Việt Nam đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ-HĐQT ngày 01/07/2022.

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2022	01/01/2022
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	370.988.991	529.245.945
- Từ 3 năm trở lên	155.592.452	155.592.452
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	150.255.489	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	60.270.010	229.171.501
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	4.871.040	144.481.992
Cộng	370.988.991	529.245.945

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	48.915.399	-	90.138.430	-
Thành phẩm	5.109.521.188	1.567.723.557	3.419.201.876	1.834.466.010
Hàng hóa	1.447.272.782	241.588.438	3.971.050.731	874.799.544
Cộng	6.605.709.369	1.809.311.995	7.480.391.037	2.709.265.554

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2022 là 2.111.536.800 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	32.835.039	-
Chi phí bảo hiểm	6.057.000	-
Cộng	38.892.039	-

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	97.726.113	42.214.348
Tem và thẻ cào điện tử	13.915.471	54.151
Chi phí sửa chữa Nhà 45 Hàng Chuối	22.614.443	72.260.000
Chi phí khác	278.400.000	-
Cộng	412.656.027	114.528.499

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	342.503.748	2.168.929.700	399.309.705	2.910.743.153
Tăng trong năm	-	5.693.018.926	-	5.693.018.926
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	342.503.748	7.861.948.626	399.309.705	8.603.762.079
Khấu hao				
Số đầu năm	342.503.748	2.168.929.700	322.249.757	2.833.683.205
Khấu hao trong năm	-	471.021.667	62.816.512	533.838.179
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	342.503.748	2.639.951.367	385.066.269	3.367.521.384
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	-	77.059.948	77.059.948
Số cuối năm	-	5.221.997.259	14.243.436	5.236.240.695

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2022 là 5.181.238.333 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 2.811.334.062 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2022	01/01/2022				
	Giá gốc	Giá gốc				
Tình hình hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con			-	-	-	-
- Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	1.400.000		-	14.000.000.000	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác			-	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam	-		-	-	-	-
Cộng			-	14.000.000.000	-	1.000.000.000

Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
XN Bàn đồ 1 - CN Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	3.557.559.235	826.201.593
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	1.499.393.355	1.556.449.487
Công ty TNHH Một thành viên In Quân đội 2	448.544.979	455.296.060
Công ty TNHH Thiết kế và Quảng cáo Hường Nam	1.522.000.000	46.380.000
Các đối tượng khác	998.085.000	46.666.050
	1.213.187.836	657.777.836
Cộng	9.238.770.405	3.588.771.026

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	448.544.979	455.296.060
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	278.400.000	-
Các đối tượng khác	18.600.000	-
Cộng	745.544.979	455.296.060

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	-	131.347.220	48.041.880	-	83.305.340
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	200.208.853	724.182.398	638.800.090	-	285.591.161
Thuế thu nhập cá nhân	-	374.913.785	873.945.213	915.183.440	-	333.675.558
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	255.452.239	302.359.684	557.811.923	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	830.574.877	2.034.834.515	2.162.837.333	-	702.572.059

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	266.233.461	233.440.943
Thù lao HĐQT, BKS	111.590.000	66.389.001
Thuế TNCN thu thừa	160.930.792	188.233.325
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.605.610	2.818.430.810
Phải trả khác	1.727.301	1.727.301
Cộng	543.087.164	3.308.221.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả	-	707.690.722	208.144.330	499.546.392
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng	-	707.690.722	208.144.330	499.546.392
Cộng	-	707.690.722	208.144.330	499.546.392

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	-	4.038.000.000	208.144.330	3.829.855.670
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng	-	4.038.000.000	208.144.330	3.829.855.670
Cộng	-	4.038.000.000	208.144.330	3.829.855.670
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-			499.546.392
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	3.330.309.278

Vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam – Chi nhánh Trần Duy Hưng theo Hợp đồng Tín dụng số SHBVN/TDH/PL/2022/1376 ngày 20/07/2022. Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: vay mua xe. Lãi suất cho vay: 8,5% /năm trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	12.526.431.352	33.775.597.789
Tăng trong năm	-	-	-	-	4.830.424.766	4.830.424.766
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.344.000.000	3.344.000.000
Số dư tại 31/12/2021	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	14.012.856.118	35.262.022.555
Số dư tại 01/01/2022	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	14.012.856.118	35.262.022.555
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.438.681.609	2.438.681.609
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	16.451.537.727	37.700.704.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000	1.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	14.012.856.118	12.526.431.352
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	2.438.681.609	4.830.424.766
Phân phối lợi nhuận	-	3.344.000.000
- Phân phối lợi nhuận năm trước	-	528.000.000
+ Chia cổ tức	-	528.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	2.816.000.000
+ Chia cổ tức	-	2.816.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	16.451.537.727	14.012.856.118

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/04/2022 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2021 như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 16% vốn điều lệ (tương ứng 2.816.000.000 đồng). Công ty đã thực hiện chốt quyền tạm ứng vào ngày 28/12/2021 và thực hiện chi trả số cổ tức này vào ngày 28/02/2022.
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 70%/ vốn điều lệ.

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ2022 ngày 30/08/2022 đã hủy bỏ phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu nêu trên và thông qua kế hoạch trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 6% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục	30.456.787.705	38.592.789.033
Doanh thu thiết bị giáo dục	16.159.843.418	22.687.791.759
Doanh thu bán sách tham khảo	598.040.640	257.428.800
Doanh thu phim, băng đĩa	-	53.200
Cộng	47.214.671.763	61.538.062.792

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022	Năm 2021
Chiết khấu thương mại	439.977.158	783.795.973
Hàng bán bị trả lại	157.217.302	658.370.527
Cộng	597.194.460	1.442.166.500

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	20.338.559.285	23.612.295.272
Giá vốn thiết bị giáo dục	13.204.767.050	18.083.649.717
Giá vốn sách tham khảo	281.959.961	169.728.784
Giá vốn phim, băng đĩa	-	76.256.991
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(899.953.559)	(386.804.055)
Cộng	32.925.332.737	41.555.126.709

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	88.210.967	538.164.594
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	150.000.000
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	250.000.000	-
Cộng	338.210.967	688.164.594

22. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lãi vay	124.020.376	-
Cộng	124.020.376	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền lương và các khoản trích theo lương	2.776.123.775	3.720.789.934
Chi phí bốc xếp vận chuyển	506.367.139	1.161.882.326
Chi phí hoa hồng môi giới	918.566.621	1.602.637.488
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	716.467.638	716.467.635
Các khoản khác	893.949.034	1.581.393.440
Cộng	5.811.474.207	8.783.170.823

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền lương và các khoản trích theo lương	2.496.849.541	2.877.775.714
Chi phí thuê nhà	126.163.634	126.163.635
Chi phí giao dịch, hội nghị	186.567.042	62.857.273
Dịch vụ phí, chuyên tiền, công văn...	483.465.454	218.588.882
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(158.256.954)	259.176.596
Các khoản khác	1.807.744.578	1.283.687.318
Cộng	4.942.533.295	4.828.249.418

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.162.864.007	5.622.420.676
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	458.047.982	34.692.965
- Điều chỉnh tăng	458.047.982	184.692.965
+ Chi phí không hợp lệ	340.573.982	1.812.969
+ Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	117.474.000	182.879.996
- Điều chỉnh giảm	-	150.000.000
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	-	150.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	3.620.911.989	5.657.113.641
Thuế TNDN phải nộp	724.182.398	1.131.422.728
Thuế TNDN được giảm	-	339.426.818
Thuế TNDN còn phải nộp	-	791.995.910
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	724.182.398	791.995.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.133.988.515	3.049.319.104
Chi phí nhân công	9.516.748.238	12.871.870.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	533.838.179	59.412.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.185.510.843	18.853.507.518
Chi phí khác bằng tiền	1.829.351.880	2.782.274.740
Cộng	33.199.437.655	37.616.384.425

26. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh từ các khoản vay đã ký kết với các Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phi in ấn và giá nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu rủi ro về giá hàng hóa kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu và hàng hóa, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu, hàng hóa chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.238.770.405	-	9.238.770.405
Vay và nợ thuê tài chính	499.546.392	3.330.309.278	3.829.855.670
Phải trả khác	276.853.703	-	276.853.703
Cộng	10.015.170.500	3.330.309.278	13.345.479.778

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.588.771.026	-	3.588.771.026
Chi phí phải trả	162.519.200	-	162.519.200
Phải trả khác	3.074.780.437	-	3.074.780.437
Cộng	6.826.070.663	-	6.826.070.663

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.778.096.979	-	16.778.096.979
Phải thu khách hàng	7.256.235.429	-	7.256.235.429
Phải thu khác	113.964.339	-	113.964.339
Cộng	24.148.296.747	-	24.148.296.747

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.928.669.675	-	17.928.669.675
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.060.000.000	-	9.060.000.000
Phải thu khách hàng	14.602.909.862	-	14.602.909.862
Phải thu khác	286.019.120	-	286.019.120
Đầu tư tài chính	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	41.877.598.657	1.000.000.000	42.877.598.657

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ	
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của NXBGDVN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của NXBGDVN
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Ngọc Huyền	Cố đồng lớn Nhân viên công ty, người đại diện công bố thông tin

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Giao dịch	Năm 2022	Năm 2021
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán bản đồ, tranh ảnh	1.997.185.600	3.576.124.000
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh	2.691.505.120	6.195.402.480
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Bán bản đồ, tranh ảnh	207.182.668	507.416.760
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Bán bản đồ, tranh ảnh	1.379.636.320	795.517.600
	Mua thiết bị giáo dục	1.989.108.224	2.247.016.793
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	1.770.750.000	498.640.500
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Mua thiết bị giáo dục	1.989.108.224	2.247.016.793
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Bán bản đồ, tranh ảnh	296.719.200	382.617.600
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tạm ứng	30.030.870.000	-
	Hoàn ứng	29.600.000.000	-
Bà Phạm Ngọc Huyền	Tạm ứng	41.542.213.500	-
	Hoàn ứng	36.864.854.700	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Quốc Việt	Chủ tịch HĐQT	12.728.000	-
Ông Nguyễn Nam Phóng	Ủy viên HĐQT	32.500.000	56.205.372
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Ủy viên HĐQT	13.824.000	-
Ông Lưu Văn Thịnh	Ủy viên HĐQT	6.880.000	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Trưởng Ban kiểm soát	7.680.000	-
Bà Lương Thị Thanh Duyên	Ủy viên BKS	5.376.000	-
Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên BKS	2.676.000	-
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc	218.044.000	-
Ông Cao Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	555.428.898	576.838.593
Bà Hoàng Mai Diệp	Phó Tổng Giám đốc	188.752.431	-

28. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

29. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính riêng của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang